

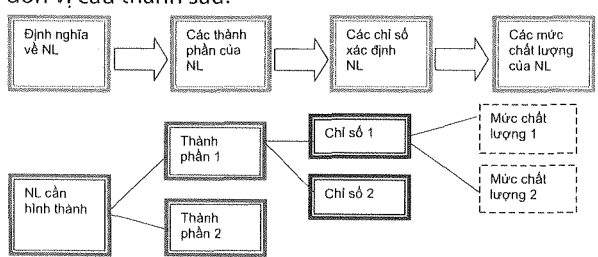
PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

PGS.TS. NGUYỄN THỊ HẠNH
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Quan niệm về chuẩn đầu ra môn học

Chuẩn đầu ra của môn học là một công cụ quan trọng để quản lý chất lượng giáo dục của nhiều quốc gia trên thế giới. Trước đây (từ thập kỉ 80 của thế kỉ XX trở về trước), xu thế của thế giới trong phát triển chương trình giáo dục phổ thông là tập trung vào nội dung. Gần đây, xu thế này đã chuyển sang tập trung vào phát triển năng lực (NL) người học. Để có một công cụ tốt quản lí chất lượng của chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển NL cần phải thiết kế chuẩn đầu ra của môn học theo định hướng phát triển NL. Chuẩn đầu ra của môn học sẽ chi phối các khâu xác định nội dung, phương pháp đánh giá, phương pháp dạy học trong quá trình phát triển chương trình và tác động tới mọi mặt của quá trình dạy học. Chức năng chuẩn đầu ra của môn học chủ yếu đánh giá NL của học sinh (HS) ở từng môn học/linh vực học tập. Bên cạnh đó, chuẩn đầu ra của môn học còn cung cấp cho giáo viên (GV) và các trường mẫu về công cụ đánh giá NL, mẫu những bài học để phát triển NL cho HS.

Chuẩn đầu ra của môn học theo định hướng phát triển NL được thiết kế bằng hai phương pháp chủ yếu: *Phương pháp chuyên gia, phương pháp thực nghiệm*. Chuẩn đầu ra của môn học theo định hướng phát triển NL là sản phẩm của sự phối hợp thiết kế giữa các chuyên gia giáo dục với các GV, có sự tham gia của HS, thông qua việc các em thực hiện bộ công cụ đo NL ở từng môn khi thử nghiệm chuẩn. Chuẩn đầu ra của môn học theo định hướng phát triển NL là chuẩn thực hiện, nó thường được thiết kế theo các đơn vị của NL. Mỗi NL bao gồm những đơn vị cấu thành sau:



2. Quy trình thiết kế chuẩn đầu ra môn học

Chuẩn đầu ra của môn học theo định hướng phát triển NL được thiết kế theo quy trình gồm 6 bước sau:

Bước 1: Định nghĩa NL

Ở bước này cần phải trả lời một số câu hỏi sau: *Đối tượng phân tích NL là ai (cá nhân HS, nhóm HS hay cả hai)? Các kĩ năng thành phần của NL phù hợp với lứa tuổi nào? NL là NL chung hay NL đặc thù của môn học/linh vực học tập?*

Phương pháp làm việc ở bước này là phương pháp chuyên gia. Nhóm chuyên gia từ những lĩnh vực khác nhau (tâm lí, xây dựng chương trình môn học,...) sẽ cùng thảo luận để đưa ra một khái niệm chung về NL cần hình thành và phát triển. Muốn vậy, trước tiên cần

tổng quan kinh nghiệm về NL đó (khái niệm, nhóm NL, thành phần của NL); phân tích, đề xuất khái niệm và mô tả NL phù hợp với bối cảnh Việt Nam; cuối cùng, thảo luận với các chuyên gia ngoài nhóm để thống nhất định nghĩa này và đảm bảo tất cả các bên tham gia cùng hiểu giống nhau về định nghĩa NL này.

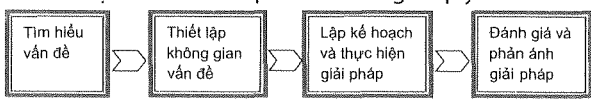
- Ví dụ về định nghĩa NL giải quyết vấn đề: NL giải quyết vấn đề là khả năng cá nhân sử dụng hiệu quả các quá trình nhận thức, hành động và thái độ, động cơ, xúc cảm để giải quyết những tình huống vấn đề mà ở đó không có sẵn quy trình, thủ tục, giải pháp thông thường.

- Ví dụ về định nghĩa NL thực hành âm nhạc: NL thực hành âm nhạc là khả năng HS ca hát, chơi nhạc cụ, tập đọc nhạc, nhảy múa,... để tạo ra âm thanh và môi trường âm nhạc.

Bước 2: Xác định các thành phần của NL

Ở bước này, cũng cần sử dụng phương pháp chuyên gia: Nhóm chuyên gia phát triển chương trình môn học/linh vực học bàn bạc, thảo luận và thống nhất về khung NL cần phát triển dựa trên kinh nghiệm quốc tế và trong nước. Việc phân tích kinh nghiệm cần phải làm rõ cơ sở khoa học của cách tiếp cận để xác định các thành phần và sự gắn kết giữa các thành phần trong từng cách tiếp cận. Sản phẩm của bước này là số lượng và tên các thành phần cấu thành NL. Số lượng các thành phần của NL, tầng bậc của các thành phần phụ thuộc vào sự mô tả về NL của nhóm chuyên gia.

Ví dụ về các thành phần của NL giải quyết vấn đề:



Bước 3: Xác định các chỉ số hành vi (các chỉ báo)

Phương pháp làm việc ở bước này vẫn là phương pháp chuyên gia. Các chuyên gia được sử dụng ở giai đoạn này ngoài chuyên gia phát triển chương trình môn học/linh vực học còn có thêm GV để đảm bảo các chỉ số là những hành vi HS có thể làm, tạo ra, nói ra, viết ra được.

Mỗi chỉ số hành vi cần phải đảm bảo có thể quan sát và đo lường được, nó giống như bằng chứng về những gì HS có thể làm, tạo ra, nói ra, viết ra.

Cách viết các chỉ số cần đáp ứng được một số yêu cầu: Phải rõ ràng, có động và dễ hiểu; Không chứa các thuật ngữ chuyên ngành, từ viết tắt, hoặc bằng ngôn ngữ mà các bên liên quan không hiểu; Được viết bằng ngôn ngữ tích cực - mô tả những điều HS có thể làm hoặc nói, tạo ra, viết (không phải những điều HS không thể làm, hoặc làm không tốt bằng các HS khác; không viết chỉ số bằng các từ ngữ: *Không, chưa, còn thiếu...*); Không chứa thuật ngữ so sánh như *rất tệ, tuyệt vời, thường, đạt...*

Ví dụ về chỉ số hành vi của NL *đọc viết cơ bản* (dự án SWANS, Úc, 2013- dự án về dạy đọc viết cơ bản cho HS khuyết tật) (Bảng 1)

*Bảng 1: Chỉ số hành vi đọc viết cơ bản*

Thành phần của NL	Chỉ số hành vi
1. Nhận thức/ kiến thức về kí hiệu hoặc chữ	1.1. Phản ứng lại/nhận diện tranh ảnh 1.2. Gắn tranh ảnh/kí hiệu với một ý nghĩa nào đó 1.3. Sử dụng kí hiệu để thể hiện ý kiến (sử dụng tài liệu truyền thống hoặc công nghệ hỗ trợ) 1.4. Sử dụng các thuật ngữ của văn bản in (ví dụ xác định các phần của văn bản khi được yêu cầu) 1.5. Nhận ra rằng văn bản bằng chữ in có ý nghĩa nhất quán 1.6. Nhận ra chữ in có ý nghĩa nhất quán
2. Động lực	2.1. Tham gia vào việc đọc 2.2. Thích thú và có liên kết tới hoạt động đọc 2.3. Chọn tài liệu đọc 2.4. Chọn tài liệu để vẽ hoặc viết (bao gồm giấy, bút chì, bàn phím máy tính và chuột, màn hình cảm ứng, công nghệ hỗ trợ) 2.5. Cho thấy hứng thú trong hoạt động vẽ hoặc viết (sử dụng vật liệu truyền thống hoặc công nghệ hỗ trợ) 2.6. Thể hiện sự tự hào với hoạt động vẽ hoặc viết
3. Kiến thức về chữ và số	3.1. Xác định được hình khối, chữ cái và số 3.2. Kết nối chữ cái với các âm (ví dụ bằng lời nói hoặc sử dụng công nghệ hỗ trợ) 3.3. Kết hợp được chữ cái và âm (ví dụ bằng lời nói hoặc sử dụng công nghệ hỗ trợ) trong hoạt động viết 3.4. Tạo ra hình thái chữ cái (sử dụng viết bút hoặc công nghệ hỗ trợ)
4. Kiến thức về âm vị học	4.1. Kết hợp các từ dựa trên nền tảng có cùng âm đầu tiên (bằng miệng hoặc bằng công nghệ hỗ trợ) 4.2. Kết hợp từ có cùng nền tảng vần (bằng miệng hoặc sử dụng công nghệ hỗ trợ) 4.3. Phân đoạn âm trong từ 4.4. Trộn âm trong các từ
5. Kiến thức về từ	5.1. Dự đoán nghĩa của từ 5.2. Nhận diện được dạng của từ và các thành phần âm
6. Hiểu	6.1. Dự đoán nội dung của tài liệu đọc 6.2. Kể lại các câu chuyện hoặc các thông điệp từ bài đọc
7. Kiểm soát quá trình sản sinh văn bản	7.1. Sao chép và tái tạo từ 7.2. Biết cách trình bày văn bản chữ viết 7.3. Sử dụng bút/bút chì để viết 7.4. Sử dụng bàn phím máy tính/màn hình cảm ứng

Bước 4: Xác định các mức chất lượng

Phương pháp làm việc ở bước này vẫn là phương pháp chuyên gia. Chuyên gia và GV vận dụng quan điểm của Glaser về các cấp độ NL tăng dần để soạn thảo các mức chất lượng cho mỗi chỉ số hành vi. Việc xác định các mức chất lượng ở mỗi chỉ số hành vi nhằm phân biệt mức độ chất lượng khác nhau của các hành động, thao tác HS thực hiện hành vi đó.

Việc phân chia các mức chất lượng được căn cứ vào một hoặc một số thang đo nhất định. Hiện nay, có nhiều loại thang đo như: Thang nhận thức của Bloom; thang kĩ năng thực hành của Dave; thang cấu trúc kết quả đầu ra quan sát được SOLO; thang phát triển kĩ năng nghề nghiệp của Dreyfus; mô hình nhận thức của Singer, thang phát triển thái độ của Krathwohl; thang phân loại NL giải quyết vấn đề của ATC21S, Patrick Griffin, Trung tâm Nghiên cứu Đánh giá, Trường Đại học Melbourne, Úc,...

Có thể sử dụng tích hợp thang đo có sẵn hoặc xây dựng thang đo mới để mô tả các mức chất lượng của một chỉ số. Chẳng hạn, để mô tả chỉ số *Phân tích, lí giải thông tin trong văn bản* của kĩ năng đọc hiểu, cần phải dùng thang đo nhận thức của Bloom và thang đo chỉ số hành vi SOLO.

Ví dụ về mức chất lượng của các chỉ số hành vi trong thành phần *học hát thuộc NL thực hành âm nhạc* (Bảng 2).

Dù sử dụng thang đo nào nhưng cuối cùng nhóm chuyên gia phải khái quát hóa được các mức độ phát triển của từng thành tố NL và mức độ phát triển tổng quát của NL - đây chính là đường phát triển NL.

Bảng 2: Mức chất lượng của các chỉ số hành vi trong thành phần học hát thuộc NL thực hành âm nhạc

Thành phần	Chỉ số hành vi	Mức chất lượng		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
A. Học hát	A1. Hát đúng tư thế, hát tự nhiên, tập lấy hơi và hát rõ lời.	Hát chưa tự nhiên, hát lí nhí, không rõ lời.	Hát chưa tự nhiên, hát còn nhỏ, khi thì nghe rõ lời, khi thì chưa.	Hát đúng tư thế, hát tự nhiên, tập lấy hơi và hát rõ lời.
	A2. Hát đúng giai điệu và lời ca, thể hiện sắc thái và tình cảm của bài hát.	Hát sai hầu hết về giai điệu, chưa thể hiện được sắc thái, tình cảm.	Hát sai một số chỗ về giai điệu, lời ca, chưa thể hiện rõ sắc thái, tình cảm.	Hát đúng giai điệu và lời ca, thể hiện sắc thái và tình cảm của bài hát.
	A3. Hát cùng mọi người và có thể hát một mình.	Chỉ hát cùng cả lớp.	Chỉ hát cùng cả lớp hoặc tốp ca.	Hát cùng mọi người và có thể hát một mình.
	A4. Hát tập thể như: Hòa giọng, nối tiếp, đối đáp, hát có linh xướng, hát bè.	Hát hòa giọng (đồng ca) cùng cả lớp, không hát được hình thức khác.	Hát được một số hình thức (nối tiếp, đối đáp) nhưng chưa ổn định.	Hát tập thể như: Hòa giọng, nối tiếp, đối đáp, hát có linh xướng, hát bè.

Quá trình xác lập đường phát triển NL cần tập trung trả lời các câu hỏi sau: Đường phát triển NL có giúp xác định vị trí cụ thể của một HS trên đường phát triển hay không?; Nếu có thì HS đó có thể làm hoặc nói, viết, tạo ra những gì?; HS sẽ làm, nói, viết và tạo ra những gì khi họ đạt tới cấp độ cao hơn?; Hãy nêu những hỗ trợ cần thiết để giúp HS đó chuyển từ cấp độ hiện tại lên cấp độ cao hơn?

Căn cứ vào đường phát triển NL đã xác định, nhóm chuyên gia quyết định mức nào là chuẩn đầu ra ở từng cấp học.

Bước 5: Thực nghiệm đo lường NL

Bước này được thực hiện bằng phương pháp chuyên gia và phương pháp thực nghiệm. Các chuyên gia thực hiện biên soạn công cụ đánh giá NL. Hoạt động này bao gồm những việc sau :

1/ Xác định mức độ phát triển của NL theo từng giai đoạn học tập (có thể theo từng lớp học hoặc từng nhóm lớp học, cấp học): Lớp hoặc nhóm lớp, cấp học nào đạt đến mức nào của đường phát triển NL.

2/ Thiết kế các nhiệm vụ (câu hỏi, bài tập, hoạt động) phù hợp với các mức độ phát triển của NL ở lớp hoặc nhóm lớp, cấp học. Mỗi nhiệm vụ có thể đo một hoặc nhiều cấp độ của NL.

3/ Thiết kế bảng hướng dẫn chấm điểm (một loại rubric), trong bảng này mô tả các dạng câu trả lời của HS ở từng câu hỏi và mức điểm cho từng dạng câu trả

lời. Với những câu hỏi trắc nhiệm khách quan nhiều lựa chọn thì sẽ có mức điểm cho câu trả lời đúng và mức điểm cho những câu trả lời sai. Những phương án trả lời sai của HS cần được mô tả sát với những sai lầm thực tế của HS. Với những câu hỏi mở hoặc với các nhiệm vụ cần mô tả các dạng câu trả lời ứng với từng mức độ trả lời đúng. Với mỗi dạng có một mức điểm, câu trả lời ở mức đúng cao sẽ có điểm số cao so với những câu trả lời ở mức đúng thấp hơn. Toàn bộ điểm trong bảng hướng dẫn chấm điểm cần được mã hóa để thuận tiện xử lý kết quả.

Ví dụ về công cụ đánh giá NL giải quyết vấn đề ở phần khoa học xã hội lớp 5 và bảng hướng dẫn chấm điểm bài làm của HS theo công cụ này (Bảng 3).

Sau khi hoàn thành biên soạn công cụ, cần thực nghiệm bộ công cụ này trên HS ở những trường có tính đại diện cao (chú ý: Nên thực nghiệm ở những trường có khó khăn về điều kiện dạy học).

Tiếp tục thu thập kết quả thực nghiệm bằng cách chấm điểm bài làm của HS theo bảng hướng dẫn chấm điểm. Nên đưa kết quả chấm điểm vào máy tính để thuận tiện xử lý bằng phần mềm chuyên dụng CONQUES. (Cũng có thể xử lý kết quả không bằng phần mềm mà bằng phương pháp thống kê khác, tuy nhiên cách xử lý này chậm hơn và cho ít thông tin cần cho việc giải thích kết quả về NL của HS).

Bảng 3: Ma trận bài kiểm tra viết theo các thành tố của NL giải quyết vấn đề (Việc thiết kế đề theo ma trận là việc tiếp theo)

Thành tố	Chỉ số hành vi	Số câu	Câu số	Công cụ
A. Tìm hiểu vấn đề	A1. Nhận biết tình huống có vấn đề	2	6, 9	Bài kiểm tra (câu hỏi trắc nghiệm khách quan, câu hỏi tự luận)
	A2. Xác định, giải thích các thông tin	2	1, 10	
B. Thiết lập không gian vấn đề	B1. Thu thập, sắp xếp, đánh giá thông tin	2	4, 8	
	B2. Kết nối thông tin	2	11, 14	
	B3. Xác định chiến lược giải quyết vấn đề	2	2, 12	
C. Lập kế hoạch và thực hiện giải pháp	C1. Xây dựng kế hoạch	2	7, 15	
	C2. Thực hiện giải pháp	2	3, 13	
D. Đánh giá và phản ánh giải pháp	D1. Đánh giá từng bước của giải pháp	2	5, 16	
	D2. Phản ánh giá trị của giải pháp, kiến thức mới			

Bảng 4: Hướng dẫn chấm điểm bài kiểm tra viết đánh giá NL giải quyết vấn đề (chỉ giới thiệu một phần)

Câu hỏi	Chỉ số đánh giá	Đáp án	Mã điểm
1	Xác định, giải thích các thông tin	Khoanh tròn vào c	1
		Khoanh tròn vào các phương án khác c	0
		Không làm bài	9
2	Xác định chiến lược giải quyết vấn đề	Nêu được cả hai ý: Dựa vào nội dung bài đọc và dựa vào tranh vẽ	2
		Nêu được một trong hai ý sau: - Dựa vào đoạn văn sau trong bài đọc: Trong khi đó, chỉ huy nghĩa quân và nhân dân đã làm lễ suy tôn Trương Định làm “Bình Tây Đại nguyên soái”. Cảm kích trước lòng tin yêu của nghĩa quân và dân chúng, Trương Định đã ở lại cùng nhân dân chống giặc; - Dựa vào tranh vẽ: Tranh vẽ cho thấy Trương Định đón nhận sự suy tôn của nhân dân và không đón nhận chiếu dụ của nhà vua do quan triều đình mang đến.	1
...	...	Viết nội dung không liên quan	0
		Không làm bài	9
...

(Xem tiếp trang 5)